

REVIEW GRAMMAR – ENGLISH 7 – SENCOND SEMESTER

UNIT 7 TRAFFIC

1. IT indicating distance

Sử dụng “it” làm chủ ngữ để chỉ khoảng cách

Ex: It is about 300 meters from my house to the bus stop.

Ask and answer about the distance

How far is it fromto?

It's aboutkilometers / meters

2. Used to

Sử dụng “used to” để mô tả một hành động, một thói quen hoặc một việc xảy ra thường xuyên trong quá khứ nhưng bây giờ không còn nữa

(+) *S + used to + V (nguyên mẫu)*

(-) *S + did not used to + V (nguyên mẫu)*

(?) *Did + S + use to + V (nguyên mẫu)*

3. Pronunciation /e/ và /ei/

Lưu ý Say /sei/ Says /sez/ Said /sed/

NIT 8 FILMS

1. Tính từ “ed” và “ing”

Một tính từ có thể được thành lập bằng cách thêm “ed” hoặc “ing” sau động từ

Ví dụ

Interest -> interested, interesting

Disappoint -> disappointed, disappointing

- Sử dụng tính từ đuôi “ed” để mô tả cảm giác, cảm xúc của một ai khi bị một sự việc, vật tác động/

Ví dụ: The film was long, and I was bored

(Bộ phim tác động làm tôi có cảm giác buồn chán)

- Sử dụng tính từ đuôi “ing” để mô tả về tính chất của vật việc

Ví dụ The film was boring.

2. Từ nối ALTHOUGH, DESPITE/INSPIE OF, HOWEVER, NEVERTHELESS

Mặc dù

Although/ though/ even though/ much as + mệnh đề

Despite / in spite of + cụm danh từ

Tuy nhiên

Mệnh đề. However/ Nevertheless, (dấu phẩy) mệnh đề

3. Phát âm khi thêm “ed” sau động từ

/t/ sau các âm vô thanh /tʃ/, /s/, /k/, /f/, /p/, /θ/, /l/

/d/ sau các âm hữu thanh

/id/ sau /t/, /d/

UNIT 9 FESTIVALS AROUND THE WORLD

1. Câu hỏi với H/WH

Các từ để hỏi Who, Why, Which, Whose, What, When, Where, How

1. DÙNG VỚI ĐỘNG TỪ “ TOBE”

WH+ BE +S + COMPLEMENT ?

:BE TUỖY THEO THÌ, COMPLEMENT CÓ THỂ KHÔNG CÓ.

EX: What are you doing?, where is she?, when were we silent?.....

2. DÙNG VỚI ĐỘNG TỪ THƯỜNG.

WH + DO, DOES/ DID+ S + Vo?

EX: Where do you go?, What does she study?, When did they begin?.....

3. ĐỐI VỚI CÁC THÌ HOÀN THÀNH

WH + HAS, HAVE/ HAD +S +V3/ED?

EX: Why has she gone to school?, What had you eaten?.....

4. ĐỐI VỚI “ MODAL VERBS” HAY WILL, SHALL, WOULD, SHOULD(May, can, must, could, might, ought to, have to là modal vers)

WH + MODAL VERBS + S + VO?

EX: Why must you go?, where may she come?, what can she do?, What will she do?.....

5. HOW

How much + N(không đếm được luôn ở số ít) EX: how much money have you got?

How many +N(đếm được ở số nhiều) EX: how many students are there in your class?

How far: bao xa, how long : bao lâu, how often : mấy lần, thường không, how old : bao nhiêu tuổi.....

2. Cụm trạng ngữ

Sử dụng các cụm trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn, mục đích để làm rõ nghĩa của câu.

- Cụm trạng ngữ chỉ thời gian: Last December, every year..

- Cụm trạng ngữ chỉ nơi chốn: In HCMC, at home...

- Cụm trạng ngữ chỉ mục đích: to say thanks for what they have

- Cụm trạng ngữ bổ sung: with apricot blossoms.

3. Pronunciation : 2 syllables

Danh từ, tính từ: nhấn âm 1

Động từ: nhấn âm 2

UNIT 10: SOURCES OF ENERGY

1. Thì tương lai tiếp diễn

Diễn tả một sự việc ĐANG xảy ra tại một thời điểm xác định trong TƯƠNG LAI

(+)S + will be+ V-ing

(-) S+ will not be + V-ing

(?) Will + S + be + V-ing?

Will not = won't

Will = shall (sử dụng cho chủ ngữ I, We)

Bị động của thì tương lai đơn (+)S + will be+ V3

(-) S+ won't be + V3

(?) Will + S + be V3?

- Sử dụng thể bị động khi tân ngữ của câu không quan trọng hoặc không biết ai là người thực hiện hành động, nếu người thực hiện vẫn quan trọng thì thêm sau "by"

- Sử dụng thể bị động khi muốn nhấn mạnh vật, việc được tác động.

REVIEW GRAMMAR – ENGLISH 7 – SENCOND SEMESTER

UNIT 11: TRAVELLING IN THE FUTURE

1. Will (review)

Sử dụng will để đưa ra một dự đoán trong tương lai.

2. Đại từ sở hữu

Subject Pronouns	I	YOU	WE	THEY	HE	SHE	IT
Possessive Adjectives	MY	YOUR	OUR	THEIR	HIS	HER	ITS
Possessive Pronouns	MINE	YOURS	OURS	THEIRS	HIS	HERS	ITS

Đại từ sở hữu dùng để thay thế cho tính từ sở hữu và danh từ khi không muốn lặp lại danh từ.

Ex: It's my book ==> It' s mine.(= my book)

----They' re her keys ==> They' re hers.(= her keys)

Như vậy ta phải nói danh từ đó trước rồi mới thay thế.

Lưu ý, vì đại từ sở hữu đã thay thế danh từ nên sẽ không bao giờ có danh từ sau đại từ sở hữu.

Ex: My father is tall. Theirs (= their father) is short.

3. Ngữ điệu trong câu hỏi

Câu hỏi Yes/No: Lên giọng ở cuối câu.

Câu hỏi H/ WH: hạ giọng ở cuối câu.

Câu hỏi đuôi: hạ giọng cuối câu để tìm kiếm sự đồng tình

Lên giọng ở cuối câu để hỏi.

UNIT 12 AN OVERCROWDED WORLD

1. So sánh số lượng Little -> less

Few -> Fewer

Many ,much -> more

Số lượng Ít hơn:

S+ V+ less + N (không đếm được)

S+ V+ fewer + N (đếm được)

Số lượng nhiều hơn:

S+ V+ more (danh từ đếm được và không đếm được)

2. Câu hỏi đuôi Lưu ý

1. Câu giới thiệu khẳng định, phần hỏi đuôi phủ định.

Câu giới thiệu phủ định, phần hỏi đuôi khẳng định

2. Phần đuôi chỉ sử dụng các đại từ : I, you, we, they, he, she, it, there

3. Phần đuôi luôn ở dạng viết tắt

Các trường hợp cụ thể

Hiện tại đơn với TO BE:

- he is handsome, is he? = Anh ấy đẹp trai, đúng không?

- You are worry, aren't you? = Bạn đang lo lắng, phải không?

Hiện tại đơn động từ thường: mượn trợ động từ DO hoặc DOES tùy theo chủ ngữ

- They like me, don't they?

– she loves you, doesn't she?

Thì quá khứ đơn với động từ thường: mượn trợ động từ DID, quá khứ đơn với TO BE: WAS hoặc WERE:

- He didn't come here, did he?

Thì hiện tại hoàn thành hoặc hiện tại hoàn thành tiếp diễn: mượn trợ động từ HAVE hoặc HAS

- They have left, haven't they?

Thì tương lai đơn

- It will rain, won't it?

EXERCISES

I. Make the questions for the underlined parts in the following sentences

1. Most of my classmates go to school by bike

.....

2. It is about three kilometres from my house to school

.....

3. The students are leaning road signs in the school yard

.....

4. My father used to go fishing in the pond behind my house

.....

5. Trung usually rides his bike very carefully

.....

6. I don't like skate-boarding because it is dangerous

.....

II. Use the correct form of the words in brackets

1. We used to (cycle)to school two years ago . Now we walk

2. Nuclear power (replace)in the future .

3. In spite of (be)ill, he goes to school today

4. At this time tomorrow , my classmate (show)..... a film on types of renewable energy sources.

5. We liked the (perform)of that young pianist.

6. My father drives his motorbike (care)he never has accident.

7. The end of the film was so (move).....

12. That was an (interest)book and I was (interest).....in reading it.

III. Rewrite the sentences without changing the meanings

1. The distance from Qui Nhon to Da Lat is about 500 km

- It.....

2. Do you enjoy action films?

- You like?

3. Mr Son went to work by car some years, but now he cycles

- Mr Son used.....

4. In spite of her young age, she performs excellently.

- Although

5. We will solve the problem of energy shortage by using solar energy.

- The problem of energy shortage.....

6. People in the countryside will increase the use of biogas for cooking.

- The use of biogas for cooking.....